

## Biểu Phí Khách Hàng Ưu Tiên & Khách Hàng Khởi Phú

Ngày hiệu lực: Ngày 15 tháng 03 năm 2022

### A. Dịch Vụ Thanh Toán Và Tài Khoản

#### 1. Dịch Vụ Quản Lý Tài Khoản VND

	Khách Hàng Ưu Tiên	Khách Hàng Khởi Phú
1.1 Phí dịch vụ hàng tháng nếu số dư trung bình hàng tháng dưới mức quy định tối thiểu	Miễn phí (*)	Miễn phí (*)
1.2 Chỉ thị định kỳ	Miễn phí	Miễn phí
1.3 Phí yêu cầu cấp lại sổ phụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sao kê &lt;= 6 tháng gần nhất: miễn phí,</li> <li>Sao kê &gt; 6 tháng từ tháng yêu cầu: 40.000 VND/ tháng sao kê/ tài khoản</li> </ul>	
1.4 Phí xác nhận tài khoản/ số dư tài khoản	Miễn phí	Miễn phí
1.5 Phí đóng tài khoản trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	Miễn phí	Miễn phí

#### 2. Ngân Hàng Trực Tuyến Cá Nhân/ Ứng Dụng Mighty

2.1 Tra cứu số dư tài khoản	Miễn phí	Miễn phí
2.2 Chuyển khoản trong nước trong hệ thống UOB Việt Nam	Miễn phí	Miễn phí
2.3 Chuyển khoản trong nước ngoài hệ thống UOB Việt Nam	Miễn phí	Miễn phí
2.4 Cấp lần đầu Thiết bị bảo mật	Miễn phí	Miễn phí
2.5 Phí cấp lại thiết bị bảo mật	50.000 VND	100.000 VND

#### 3. ATM

3.1 Phí phát hành thẻ lần đầu	Miễn phí	Miễn phí
3.2 Phí thường niên	Miễn phí	Miễn phí
3.3 Tra cứu số dư tài khoản	Miễn phí	Miễn phí
3.4 Rút tiền tại các máy ATM trong hệ thống Napas	Miễn phí	Miễn phí
3.5 Thay đổi mã PIN	Miễn phí	Miễn phí
3.6 Phát hành lại mã PIN	Miễn phí	Miễn phí
3.7 Phát hành lại thẻ	Miễn phí	100.000 VND

#### 4. Nộp Tiền Mặt

4.1 Nộp tiền tại quầy giao dịch của UOB Việt Nam	Miễn phí
--	----------

4.2	Nộp tại quầy giao dịch ngân hàng đối tác của UOB Việt Nam	0,03% (tối thiểu 10.000 VND tối đa 1.000.000 VND)			
4.3	Thu tiền mặt tại địa điểm chỉ định	Theo thỏa thuận			
<b>5. Rút Tiền Mặt</b>					
<b>5.1 Nguồn tiền gửi VND</b>					
5.1.1	Rút tiền tại quầy giao dịch UOB Việt Nam	Miễn phí			
5.1.2	Phí kiểm đếm khi rút tiền mặt trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt	Miễn phí	Miễn phí		
5.1.3	Rút tiền tại quầy giao dịch của ngân hàng đối tác của UOB Việt Nam	0,03% (tối thiểu 10.000 VND - tối đa 1.000.000 VND)			
<b>5.2 Nguồn tiền gửi USD</b>					
5.2.1	Rút tiền từ tài khoản thanh toán	0,2% (tối thiểu 2 USD)	0,2% (tối thiểu 2 USD)		
5.2.2	Rút tiền gửi có kỳ hạn trước ngày đáo hạn (Miễn phí nếu khoản tiền gửi đã tái tục 01 kỳ trở lên với kỳ hạn đặt tiết kiệm >= 3 tháng )	Miễn phí	0,2% (tối thiểu 2 USD)		
5.3	<b>Ngoại tệ khác</b>	0,4% (tối thiểu 5 SGD/ 5 EUR/ 2.000 JPY)	0,8% (tối thiểu 5 SGD/ 5 EUR/ 2.000 JPY)		
<b>6. Chuyển Tiền</b>					
<b>6.1 Nhận tiền về</b>					
6.1.1	Tiền về trong nước	Miễn phí			
6.1.2	Tiền về từ nước ngoài	Miễn phí			
<b>6.2 Chuyển tiền đi trong nước</b>					
6.2.1	Bằng VND	Miễn phí	0,005% (tối thiểu 20.000 VND – tối đa 1.000.000 VND) (*) Miễn phí áp dụng đến hết 31/12/2022		
6.2.2	Bằng ngoại tệ	0,05% (tối thiểu 2 USD - tối đa 50 USD)	0,10% (tối thiểu 2 USD - tối đa 50 USD)		
6.2.3	Phí tra soát/ tu chỉnh/ hủy lệnh chuyển tiền (dành cho các trường hợp đi lại lệnh chuyển tiền dựa trên thư yêu cầu điều chỉnh giao dịch)	Miễn phí			
<b>6.3 Chuyển tiền đi nước ngoài</b>					
6.3.1	Từ tài khoản tại UOB Việt Nam	0,1% (tối thiểu 100.000 VND – tối đa 4.000.000 VND) + điện SWIFT + phí ngân hàng trung gian (nếu có)			
6.3.2	Phí tra soát/ tu chỉnh/ hủy lệnh chuyển tiền (dành cho các trường hợp đi lại lệnh chuyển tiền dựa trên thư yêu cầu điều chỉnh giao dịch)	Miễn phí			
<b>B. Tài Khoản Ngoại Tệ</b>		<b>Tài khoản USD</b>	<b>Tài khoản SGD</b>	<b>Tài khoản EUR</b> (áp dụng mở tại quầy)	<b>Tài khoản JPY</b> (áp dụng mở tại quầy)
1. Số dư trung bình tối thiểu trong tháng (*)		100 USD	100 SGD	1.000 EUR	100.000 JPY

2. Phí dịch vụ nếu số dư trung bình trong tháng dưới mức yêu cầu tối thiểu (*)	30 USD	30 SGD	30 EUR	3.000 JPY
3. Chỉ thị định kỳ	5 USD	5 SGD	5 EUR	500 JPY
4. Phí yêu cầu cấp lại sổ phụ (*)	2 USD	2 SGD	2 EUR	200 JPY
5. Phí xác nhận tài khoản/ số dư tài khoản (*)	3 USD	3 SGD	3 EUR	300 JPY
6. Phí đóng tài khoản trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	20 USD	20 SGD	20 EUR	2.000 JPY

(\*) Chỉ áp dụng với khách hàng thường, không áp dụng với khách hàng Ưu Tiên và khách hàng Khởi Phút.

### C. Phí Gửi Điện

1. Điện SWIFT chuyển tiền ra nước ngoài	250.000 VND/ điện
2. Điện khác	250.000 VND/ điện

### D. Nhò Thu Séc

Áp dụng đối với Séc được phát hành bởi UOB Singapore và khách hàng có tài khoản UOB	0,1% (tối thiểu 100.000 VND – tối đa 2.000.000 VND) + phí gửi thư + phí trả ngân hàng khác (nếu có)
---	---

### E. Két Sắt An Toàn

Kích thước	Cao	Rộng	Dài	Phí thường niên		Phí tái cấp chìa khóa
Tiêu chuẩn	127	254	600	3.500.000 VND/ năm	300.000 VND/ tháng (*)	3.000.000 VND
Lớn	254	254	600	4.750.000 VND/ năm	400.000 VND/ tháng (*)	

#### Điều kiện để thuê két sắt

- Khách hàng sẽ duy trì 60.000.000 VND trong tài khoản thanh toán và Ngân hàng phong tỏa số tiền này trong suốt thời gian sử dụng dịch vụ thuê két sắt.

#### Điều kiện miễn phí năm đầu

- Tiết kiệm/ Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tỷ VND hoặc 50.000 USD trở lên hoặc 400.000.000 VND trên tài khoản thanh toán.

#### Điều kiện miễn phí từ năm thứ 2 trở lên

- Tiết kiệm/ Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tỷ VND hoặc 50.000 USD trở lên trong vòng 3 tháng gần nhất hoặc số dư trung bình trong tài khoản thanh toán 3 tháng gần nhất trên 100.000.000 VND.

Ngân hàng thực hiện thu phí thường niên vào tháng 4 hàng năm, đối với khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ từ sau tháng 4 hàng năm, ngân hàng thực hiện thu phí một lần theo mức phí tháng tương ứng với số tháng khách hàng thuê trong năm.

Khách hàng có trách nhiệm chuyển giao lại đầy đủ chìa khóa khi chấm dứt sử dụng dịch vụ, trường hợp khách hàng không thể hoàn trả lại chìa khóa, Ngân hàng thu thêm phí tái cấp chìa khóa.

(\*) Đối với mức phí hàng tháng chỉ áp dụng cho khách hàng mới đăng ký dịch vụ từ sau tháng 4 hàng năm.

#### Ghi chú:

- Những nội dung thuộc biểu phí này có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước đến khách hàng. Ngân hàng UOB Việt Nam sẽ thực hiện thông báo công khai trên website và niêm yết tại quầy giao dịch.
- Những phí khác chưa được quy định trong biểu phí này sẽ được Ngân hàng UOB Việt Nam thu của khách hàng theo thỏa thuận giữa hai bên.
- Tất cả các khoản phí và lệ phí trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.